



**TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 33

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch HĐQT
Bà Trần Thị Lệ Châm	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà Vũ Thị Huyền Đức	Ủy viên
Bà Trần Thị Mùi	Ủy viên
Ông Lê Văn Đông	Ủy viên

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Bà Vũ Thị Huyền Đức	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Lệ Châm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên doanh liên kết, Ban Giám đốc của các công ty con, công ty liên doanh liên kết chịu trách nhiệm về tính trung thực và hợp lý trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**Vũ Thị Huyền Đức**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2015



Số: 200 /VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 15/04/2015, từ trang 04 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên danh, liên kết được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán khác nhau. Chúng tôi không thực hiện được việc soát xét hồ sơ kiểm toán của các công ty kiểm toán khác. Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của Tổng Công ty.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Tại thuyết minh số 14, phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty con của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19-5 không trích khấu hao tài sản cố định hữu hình cho các tài sản có tổng nguyên giá tại ngày 31/12/2014 là 12.504.627.257 đồng. Công ty Cổ phần Bía rượu Nước giải khát Viger - Công ty con của Tổng Công ty đã ghi nhận thiếu chi phí khấu hao trong năm 2014 của Dây chuyền sản xuất nước giải khát với số tiền là 878.011.204 đồng.



Nguyễn Đức Tiến  
Phó Tổng Giám đốc  
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1

Phạm Xuân Sơn  
Kiểm toán viên  
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1450-2013-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2015*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>561.110.659.564</b>	<b>622.541.212.367</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>193.394.170.856</b>	<b>202.177.867.276</b>
1. Tiền	111		71.794.170.856	81.393.302.463
2. Các khoản tương đương tiền	112		121.600.000.000	120.784.564.813
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>114.861.420.695</b>	<b>162.248.487.994</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		115.623.495.248	162.907.834.443
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(762.074.553)	(659.346.449)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>112.965.815.466</b>	<b>98.586.642.571</b>
1. Phải thu khách hàng	131	7	54.466.675.233	48.115.648.037
2. Trả trước cho người bán	132	8	51.074.269.892	41.433.819.798
3. Các khoản phải thu khác	135	9	16.158.697.824	18.447.443.694
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(8.733.827.483)	(9.410.268.958)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>123.408.755.951</b>	<b>146.380.976.556</b>
1. Hàng tồn kho	141		127.918.912.917	150.970.176.869
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.510.156.966)	(4.589.200.313)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16.480.496.596</b>	<b>13.147.237.970</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	3.454.075.663	2.192.847.662
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.337.289.401	3.023.248.241
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		398.103.406	1.696.944.491
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	13	6.291.028.126	6.234.197.576
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 =210+220+240+250+260+269)	<b>200</b>		<b>567.640.858.783</b>	<b>577.781.215.397</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	91.430.207
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	(91.430.207)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>240.778.812.229</b>	<b>249.373.016.284</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	231.092.128.928	231.956.061.018
- Nguyên giá	222		724.470.080.192	696.928.094.799
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(493.377.951.264)	(464.972.033.781)
2. Tài sản cố định vô hình	227		262.322.301	294.427.493
- Nguyên giá	228		1.106.413.427	1.034.752.427
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(844.091.126)	(740.324.934)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	9.424.361.000	17.122.527.773
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	<b>719.719.023</b>
- Nguyên giá	241		-	3.281.691.153
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	(2.561.972.130)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>312.402.128.197</b>	<b>309.633.254.486</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	252	16	260.149.879.305	263.432.175.997
2. Đầu tư dài hạn khác	258	17	52.252.248.892	46.201.078.489
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.630.555.457</b>	<b>11.178.931.948</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	8.335.419.015	11.039.311.706
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		226.316.442	79.620.242
3. Tài sản dài hạn khác	268		68.820.000	60.000.000
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>19</b>	<b>5.829.362.900</b>	<b>6.876.293.656</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.128.751.518.347</b>	<b>1.200.322.427.764</b>

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MÃ SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

01/01/2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>483.893.760.562</b>	<b>555.804.315.473</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>416.098.309.202</b>	<b>444.575.322.094</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	149.152.639.623	143.228.085.622
2. Phải trả người bán	312	21	95.086.373.530	95.806.698.595
3. Người mua trả tiền trước	313	22	43.948.501.877	36.680.229.151
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	23	16.897.782.308	22.640.097.475
5. Phải trả người lao động	315		27.172.780.409	23.707.134.192
6. Chi phí phải trả	316	24	72.377.150.094	99.447.957.345
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	25	6.761.717.085	13.972.086.014
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	24.425.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.701.364.276	9.068.608.700
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>67.795.451.360</b>	<b>111.228.993.379</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		2.320.542.503	2.239.290.333
2. Vay và nợ dài hạn	334	26	65.035.767.456	108.535.220.735
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		38.573.220	38.573.220
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		400.568.181	415.909.091
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>600.731.320.711</b>	<b>593.767.921.139</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>27</b>	<b>600.963.939.399</b>	<b>593.095.192.317</b>
1. Vốn điều lệ	411		430.490.990.000	430.490.990.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.508.917.800	2.888.987.800
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	30.457
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		15.759.183.316	12.555.419.377
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.195.144.242	3.643.664.926
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		730.516.957	937.083.089
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		145.279.187.084	142.579.016.668
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>(232.618.688)</b>	<b>672.728.822</b>
1. Nguồn kinh phí	432		(232.618.688)	672.728.822
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>28</b>	<b>44.126.437.074</b>	<b>50.750.191.152</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>1.128.751.518.347</b>	<b>1.200.322.427.764</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	31/12/2014	01/01/2014
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	127.826.900	65.891.100
2. Nợ khó đòi đã xử lý	19.713.862.147	18.765.754.653
3. Ngoại tệ các loại	79,93	79,93



Vũ Thị Huyền Đức  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2015

Trần Thị Mùi  
Kế toán trưởng

Đường Thị Hồng Hải  
Người lập

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	MẪU SỐ B 02-DN
			Đơn vị: VND Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		1.448.414.080.490
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		19.136.351.492
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	29	1.429.277.728.998
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	1.316.729.486.371
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		112.548.242.627
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	20.099.269.676
7. Chi phí tài chính	22	32	14.119.758.132
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.161.814.651
8. Chi phí bán hàng	24		24.850.944.213
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		51.681.257.361
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		41.995.552.597
11. Thu nhập khác	31		5.823.967.634
12. Chi phí khác	32		2.561.978.374
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	33	3.261.989.260
14. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(62.888.442)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		45.194.653.415
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	8.737.355.204
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(150.877.628)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		36.608.175.839
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		6.254.195.256
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		30.353.980.583
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	705



Vũ Thị Huyền Đức  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2015

Trần Thị Mùi  
Kế toán trưởng

Đường Thị Hồng Hải  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND  
Năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
1. Lợi nhuận trước thuế	1	45.194.653.415
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định	2	36.062.328.679
Các khoản dự phòng	3	(768.611.925)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(18.216.839.233)
Chi phí lãi vay	6	12.161.814.651
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	74.433.345.587
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(16.890.277.796)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	23.051.263.952
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(32.848.059.981)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.442.664.690
Tiền lãi vay đã trả	13	(21.195.925.974)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.632.387.440)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.189.902.983
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(12.248.911.603)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>7.301.614.418</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(38.792.037.842)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(169.558.383.313)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	222.426.385.322
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(9.906.149.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.906.019.138
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	33.915.710.026
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>45.991.544.331</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	267.130.285.893
2. Tiền chi, trả nợ gốc vay	34	(310.024.492.292)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(19.134.372.650)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(62.028.579.049)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(8.735.420.300)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>202.177.867.276</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(48.276.120)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>193.394.170.856</b>



Vũ Thị Huyền Đức  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2015

Trần Thị Mùi  
Kế toán trưởng

Đường Thị Hồng Hải  
Người lập



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần chuyển đổi từ Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty TNHH Một thành viên, được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Phố Hà Nội cấp Giấy Chứng nhận kinh doanh lần đầu số 0100114314 ngày 30/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 04/07/2013.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh là 430.490.990.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2014 là 458 người (tại ngày 31/12/2013 là 470 người).

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau: Công ty Thương mại Tư vấn & đầu tư, Công ty Mía đường Trà Vinh, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Trồng cây mía;
- Bán buôn thực phẩm;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất đường, ca cao, sôcôla và mứt kẹo;
- Sản xuất rượu vang, bia và mạch nha ủ men bia; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Bán buôn đồ uống;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa; Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn, máy móc thiết bị, thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm của Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các Công ty con (các đơn vị mà Tổng Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết (kiểm soát)) và được xác định sẽ nắm giữ lâu dài (trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính), hoạt động của các đơn vị được hợp nhất không bị hạn chế trong thời gian dài.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

**Danh sách Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất**

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty CP Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	Phường Trung Hưng, Thị xã Sơn Tây, Hà Nội	88,53%	88,53%	Kinh doanh thực phẩm
2	Công ty CP Bia rượu NGK Viger	Khu 7, phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	71,23%	71,23%	Kinh doanh bia rượu
3	Công ty CP Mía đường Nông Công	Xã Thăng Long, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	56,60%	56,60%	Sản xuất đường mía

**Danh sách Công ty liên doanh, liên kết được phân ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu:**

STT	Tên công ty liên kết, liên doanh	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan	Thị trấn Vân Du, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	17,50%	17,50%	Sản xuất đường mía
2	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Số 15, Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	44,85%	44,85%	Sản xuất bánh kẹo
3	Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Xã Hào Phú, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	47,91%	47,91%	Sản xuất đường mía

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Nhật ký chung.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Tổng Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng nợ khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19-5 và Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger chưa thực hiện đánh giá mức độ tổn thất và mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng cho một số hàng tồn kho của với giá trị tồn tại 31/12/2014 lần lượt là 2.260.411.849 đồng và 366.188.154 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao (Số năm)</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị quản lý	05 - 08
Tài sản cố định khác	03 - 10

Công ty Mía Đường Trà Vinh đã đăng ký và thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo thương pháp đường thẳng. Tuy nhiên trong năm 2014, Công ty thực hiện phân bổ chi phí khấu hao năm vào chi phí khấu hao hàng tháng theo sản lượng thực tế phát sinh trong tháng và sản lượng kế hoạch năm (điều chỉnh vào tháng 12).

**Đầu tư vào Công ty con**

Công ty con là một Công ty mà Công ty mẹ nắm trên 50% quyền kiểm soát. Các khoản đầu tư vào Công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính riêng của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Góp vốn liên doanh (Tiếp theo)**

Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Tổng Công ty tại các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Tổng Công ty và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, các chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Công ty con của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger đang thực hiện phân bổ khoản chi phí quảng cáo, tiếp thị sản phẩm mới với giá trị là 2.714.569.540 đồng đã phát sinh từ năm 2012 trên tài khoản chi phí trả trước dài hạn trong thời gian 10 năm.

**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của đại hội đồng cổ đông và điều lệ Tổng Công ty.

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	5.154.646.209	2.370.941.423
Tiền gửi ngân hàng	66.639.524.647	79.022.361.040
Các khoản tương đương tiền	121.600.000.000	120.784.564.813
	<u><b>193.394.170.856</b></u>	<u><b>202.177.867.276</b></u>

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng tới 1 năm	-	21.738.337.186
Đầu tư tài chính ngắn hạn (i)	17.747.264.350	15.648.159.165
Đầu tư ngắn hạn khác (ii)	97.876.230.898	125.521.338.092
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(762.074.553)	(659.346.449)
	<u><b>114.861.420.695</b></u>	<u><b>162.248.487.994</b></u>

Ghi chú:

- (i) Là khoản cho các hộ gia đình vay vốn để trồng nguyên liệu mía, thời hạn cho vay dưới 1 năm, có tính lãi. Công ty Mía Đường Trà Vinh thuộc Tổng Công ty tỉnh và ghi nhận lãi khi các hộ gia đình trả tiền vốn vay. Đối với các hộ gia đình chưa trả vốn vay Công ty Mía Đường Trà Vinh không ước tính lãi dự thu.
- (ii) Khoản đầu tư ngắn hạn khác là khoản tiền Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công đầu tư cho vay các hộ dân trồng và chăm sóc mía nguyên liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	22.358.400.077	25.295.811.172
Chi nhánh Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	7.316.872.627	2.120.000.020
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Quốc Tế - NM Sữa Quốc tế Cù Chi	2.061.800.193	-
Công ty Cổ phần LiLaMa Hà Nội	1.657.220.000	1.669.220.000
Công ty TNHH Đức Lộc	1.501.800.000	5.990.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	1.354.052.600	1.295.574.500
Công ty Cổ phần XNK Hóa chất và Thiết bị Hà Nội	1.191.653.000	-
Công ty ứng dụng và PT công nghệ NEAD	908.655.000	-
Công ty Cổ phần lò hơi Ngô Châu Việt Nam	881.820.500	-
Công ty FNHH Đại Tàn	873.191.250	1.333.221.250
Công ty TNHH Thành Hựu	832.550.000	-
Công ty TNHH MTV TM Gia Thái Hòa	-	1.060.520.002
Các đối tượng khác	13.528.659.986	9.351.301.093
	<u><b>54.466.675.233</b></u>	<u><b>48.115.648.037</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	39.996.158.532	7.477.048.159
Công ty CP Lò Hơi Ngô Châu Việt Nam	2.330.716.408	2.330.716.408
Công ty TNHH Hải Linh	665.355.660	-
Công ty Tư vấn Đại học Xây dựng Hà Nội	110.000.000	110.000.000
Công ty Cổ phần thực phẩm Vạn Diễm	104.295.235	-
Công ty Cổ phần Nồi hơi Việt Nam	-	14.553.420.420
Công ty Cổ phần ĐT TM XNK Hải Nhung	-	3.971.579.888
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan	-	2.720.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Biển Đông	-	1.744.327.500
Công ty TNHH Đầu tư và XNK Tân Đại Việt	-	1.742.670.000
Công ty TNHH Phương Nga	-	1.577.660.000
Công ty Cổ phần TM và Đầu tư Xây dựng Phú Thọ	-	509.960.727
Công ty TNHH Hoa Hạ Việt Nam	-	215.280.000
Các đối tượng khác	7.867.744.057	4.481.156.696
	<u><b>51.074.269.892</b></u>	<u><b>41.433.819.798</b></u>

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN, KPCD	48.385.632	65.684.901
Công ty Cổ phần Thực phẩm Vạn Diễm	821.256.312	-
Phải thu khác	15.289.055.880	18.381.758.793
	<u><b>16.158.697.824</b></u>	<u><b>18.447.443.694</b></u>

**10. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
<b>Dự phòng tại:</b>		
Công ty mẹ	1.818.183.594	1.825.844.968
Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger	257.457.860	257.457.860
Công ty Cổ phần Thực phẩm Vạn Diễm	-	70.371.069
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công	6.658.186.029	7.256.595.061
	<u><b>8.733.827.483</b></u>	<u><b>9.410.268.958</b></u>

**11. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	27.195.865.974	36.403.046.771
Công cụ, dụng cụ	705.601.040	932.794.099
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.039.738.259	19.063.267.334
Thành phẩm	79.143.883.802	81.865.471.372
Hàng hoá	10.014.395.016	12.453.223.266
Hàng gửi đi bán	819.428.826	252.374.027
<b>Cộng</b>	<u><b>127.918.912.917</b></u>	<u><b>150.970.176.869</b></u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.510.156.966)	(4.589.200.313)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho</b>	<u><b>123.408.755.951</b></u>	<u><b>146.380.976.556</b></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. HÀNG TỒN KHO (Tiếp theo)**

Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19-5 và Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger chưa thực hiện đánh giá mức độ tổn thất và mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng cho một số hàng tồn kho của với giá trị tồn tại 31/12/2014 lần lượt là 2.260.411.849 đồng và 366.188.154 đồng.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ vùng nguyên liệu mía	3.371.332.588	1.836.038.883
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	82.743.075	356.808.779
	<u>3.454.075.663</u>	<u>2.192.847.662</u>

**13. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	38.449.737	37.194.552
Tạm ứng	5.833.373.019	5.597.027.819
Cầm cố ký quỹ ký cược ngắn hạn	419.205.370	599.975.205
	<u>6.291.028.126</u>	<u>6.234.197.576</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MÃU SỐ B 09-DN

**14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị quản lý		Tài sản cố định hữu hình khác		Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>											
Tại ngày 01/01/2014	206.321.132.137	465.920.668.072	23.117.030.961	591.850.557	977.413.072	696.928.094.799					
Mua trong năm	85.557.282	36.807.160.437	1.092.686.364	34.545.454	-	38.019.949.537					
Đầu tư XD/CB hoàn thành	6.004.169.879	-	-	-	-	6.004.169.879					
Tăng do điều chỉnh khi quyết toán	-	353.636.364	-	-	-	353.636.364					
Tăng khác	-	-	250.944.276	-	-	250.944.276					
Giảm TSCĐ Vụn Điem	(4.631.854.365)	(11.964.257.298)	(490.603.000)	-	-	(17.086.714.663)					
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>207.779.004.933</b>	<b>491.117.207.575</b>	<b>23.970.058.601</b>	<b>626.396.011</b>	<b>977.413.072</b>	<b>724.470.080.192</b>					
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>											
Tại ngày 01/01/2014	110.807.003.248	339.545.731.174	13.554.568.975	295.670.595	769.059.789	464.972.033.781					
Khấu hao trong năm	8.998.788.657	24.745.902.607	2.038.028.279	80.514.736	95.328.208	35.958.562.487					
Giảm TSCĐ Vụn Điem	(2.936.345.746)	(4.125.696.258)	(490.603.000)	-	-	(7.552.645.004)					
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>116.869.446.159</b>	<b>360.165.937.523</b>	<b>15.101.994.254</b>	<b>376.185.331</b>	<b>864.387.997</b>	<b>493.377.951.264</b>					
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>											
Tại ngày 01/01/2014	95.514.128.889	126.374.936.898	9.562.461.986	296.179.962	208.353.283	231.956.061.018					
Tại ngày 31/12/2014	90.909.558.774	130.951.270.052	8.868.064.347	250.210.680	113.025.075	231.092.128.928					

Giá trị còn lại của những tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 210.527.359.865 đồng.

Giá trị còn lại của những tài sản đem cầm cố thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31/12/2014 là 85.680.075.223 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)**

Trong năm 2014, Công ty con của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19-5 không trích khấu hao tài sản cố định hữu hình cho các tài sản cố tổng nguyên giá tại ngày 31/12/2014 là 12.504.627.257 đồng.

Công ty con của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger đã ghi nhận thiếu chi phí khấu hao trong năm 2014 của Dây chuyền sản xuất nước giải khát với giá trị là 878.011.204 đồng.

**15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	83.981.500	119.382.000
Xây dựng cơ bản dở dang	4.404.246.813	11.446.678.565
Dự án XD nhà máy gạch bê tông khí chưng áp	-	2.230.219.607
Dự án Bao bì Carton	-	592.540.883
Dự án khác	4.404.246.813	8.623.918.075
Sửa chữa lớn TSCĐ	4.936.132.687	5.556.467.208
	<u>9.424.361.000</u>	<u>17.122.527.773</u>

**16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan	127.117.931.599	138.090.628.300
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	57.411.097.475	48.896.235.371
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	75.620.850.231	76.445.312.326
	<u>260.149.879.305</u>	<u>263.432.175.997</u>

Tên công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	
			Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan	Thành Vân, Thạch Thành, Thanh Hóa		17,50%
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Số 15, Mạc Thị Bưởi, HBT, Hà Nội	4.488.446	44,85%
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Xã Hào Phú, Sơn Dương, Tuyên Quang	1.548.000	47,91%

**17. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>	<b>34.592.500.000</b>	<b>34.592.500.000</b>
Tổng Công ty Mía Đường II	34.592.500.000	34.592.500.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>17.659.748.892</b>	<b>11.608.578.489</b>
Đầu tư chè, cà phê và cao su tại NT Lê Đình Chinh	1.249.937.692	1.249.937.692
Đầu tư cho vay mua xe vận tải, máy cày đất	15.409.811.200	9.358.640.797
Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh dịch vụ Sông Hồng	1.000.000.000	1.000.000.000
	<u>52.252.248.892</u>	<u>46.201.078.489</u>

Khoản đầu tư góp vốn vào Tổng Công ty Mía Đường II với số lượng là 3.425.000 cổ phiếu chiếm 5% vốn điều lệ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.121.369.772	4.934.986.267
Chi phí sản xuất đường	213.112.745	1.291.464.809
Chi phí trả trước khác	4.000.936.498	4.812.860.630
	<b><u>8.335.419.015</u></b>	<b><u>11.039.311.706</u></b>

Công ty con của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19-5 chưa thực hiện phân bổ một số khoản chi phí trả trước dài hạn trong năm 2014 với giá trị còn lại tại 31/12/2014 là 2.198.739.990 đồng.

**19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	1.076.162.900	1.202.770.300
Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger	741.200.000	828.400.000
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công	4.012.000.000	4.484.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Vạn Điểm	-	361.123.356
	<b><u>5.829.362.900</u></b>	<b><u>6.876.293.656</u></b>

**20. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>134.180.302.623</b>	<b>128.912.697.622</b>
- Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	30.000.000.000	1.430.652.100
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sầm Sơn	26.821.021.156	36.759.562.805
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Thanh Hóa	26.099.597.691	19.813.302.231
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Trà Cú (ii)	20.000.000.000	40.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (iii)	13.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phú Thọ (iv)	3.156.257.579	494.931.200
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Hóa	3.000.000.000	5.378.341.556
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Sơn Tây	2.959.459.221	2.994.500.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn Tây	352.986.400	352.986.400
- Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	-	20.000.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Hà Tĩnh	-	1.067.421.330
- Vay cá nhân (v)	8.790.980.576	621.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>14.972.337.000</b>	<b>14.315.388.000</b>
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Hà Tĩnh	8.540.337.000	7.883.388.000
- Ngân hàng Phát triển Trà Vinh	6.432.000.000	6.432.000.000
	<b><u>149.152.639.623</u></b>	<b><u>143.228.085.622</u></b>

**Ghi chú:**

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 981.14.065.789999.TD ngày 04/12/2014 hạn mức 50.000.000.000 VNĐ. Mục đích sử dụng vay để thanh toán khoản tiền mua đường, thời hạn tối đa 6 tháng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, đảm bảo bằng tiền gửi ngân hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (ii) Khoản vay ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Trà Cú theo hợp đồng tín dụng số 7407/LAV2014 09137/HĐTD ngày 29/12/2014; Số gốc vay là 20 tỷ lãi suất 7%/ năm, thời hạn cho vay tối đa 05 tháng kể từ thời điểm được ghi trên giấy nhận nợ, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động sản xuất đường, tài sản đảm bảo bằng TSCĐ.
- (iii) Khoản vay ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt theo các hợp đồng bao gồm: Hợp đồng số STK2712014 ngày 30/12/2014 tại ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt. Số tiền vay là 5.000.000.000 VNĐ thời hạn vay từ ngày 30/12/2014 đến ngày 19/01/2015. Mục đích là bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất vay 4,0%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trả cả gốc và lãi cuối kỳ. Tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi số 055-1808/20N/LPBD-MIADUONG ngày 18/08/2014 đến ngày 18/9/2014 mệnh giá 5.000.000.000 VNĐ.
- (iv) Khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 13.473006/2014-HĐTDHM/NHCT240-VG ngày 30/06/2014 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ. Thời hạn vay là 12 tháng, hạn mức vay là 7.000.000.000 đồng. Mục đích vay: phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất thả nổi theo quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ tại thời điểm nhận nợ, lãi suất vay được điều chỉnh 01 tháng/ lần. Tài sản đảm bảo là hệ thống văn phòng, nhà xưởng, các công trình phụ trợ nằm trên thửa đất số 2, diện tích 16.371,4 m<sup>2</sup> tại phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; Máy móc thiết bị phục vụ việc sản xuất bia, rượu.
- (v) Khoản vay cá nhân không có hợp đồng vay, Công ty tính lãi 0,73%/ tháng đối với khoản vay cá nhân này.

**21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Các CHĐ trồng mía	62.311.658.512	64.659.250.487
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	4.602.700.000	632.916.228
Công ty Cổ phần thương mại Hà Ngọc	2.876.649.000	-
Công ty TNHH XNK Thương mại Hồng Phúc	2.168.000.198	2.105.000.000
Công ty TNHH thương mại Cao Minh	913.297.000	-
Công ty TNHH Đại Tần	818.287.945	-
Công ty CP Đầu tư XNK Hải Nhung	643.959.438	643.959.438
Công ty Cổ phần Thương mại Trường Xuân	424.028.004	45.100.000
Công ty CP TM Miền núi Thanh hoá	268.000.000	670.075.900
Công Ty TNHH Hải Hoa	118.610.000	1.718.986.614
Công ty TNHH Hải Linh	-	1.997.312.800
Hoàng Văn Thụ	-	461.681.000
Công ty TNHH SX và TM bao bì Hải Âu	-	113.280.000
Công ty Cổ phần Phân bón Nhật Long Thanh Hóa	90.400.800	18.138.000
Công ty Cổ phần SX&TM Tổng hợp Cường Phát	93.367.600	1.049.800
Công ty TNHH Vận tải Long khánh	18.552.001	772.428.455
Các đối tượng khác	19.738.863.032	21.967.519.873
	<u><b>95.086.373.530</b></u>	<u><b>95.806.698.595</b></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên	12.644.627.002	8.712.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	5.250.000.000	-
Công ty TNHH Đức Thành	3.907.204.000	2.600.600.000
Công ty TNHH Kim Hà Việt	3.900.000.000	7.884.650.500
Công ty TNHH Thương Mại Hữu Sơn	3.292.760.000	-
Công ty TNHH Thương mại XNK Minh Khang	3.022.499.999	126.000.000
Cty TNHH TPCN Minh Tâm	1.934.995.000	2.400.000
Cơ sở SX - KD Đường Phèn Phương Vy	1.518.240.000	-
Công ty TNHH Thành Long	440.395.000	395.000
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	-	3.205.560.187
Chi nhánh Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	-	3.184.138.371
Công ty TNHH Đầu tư và XNK Tân Đại Việt	-	1.655.536.500
Các đối tượng khác	8.037.780.876	9.308.948.593
	<u><b>43.948.501.877</b></u>	<u><b>36.680.229.151</b></u>

**23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
<b>Thuế</b>		
Thuế giá trị gia tăng	5.834.916.518	6.927.326.415
Thuế tiêu thụ đặc biệt	7.457.136.373	10.825.453.240
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.955.491.313	3.850.523.549
Thuế thu nhập cá nhân	1.161.621.152	1.036.794.271
Thuế tài nguyên	399.904.942	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất (i)	56.675.000	-
<b>Các khoản phải trả khác</b>		
Các khoản phí, lệ phí và khác	32.037.010	-
	<u><b>16.897.782.308</b></u>	<u><b>22.640.097.475</b></u>

Ghi chú:

- (i) Thuế nhà đất và tiền thuê đất chưa bao gồm khoản tiền thuê đất theo thông báo số 336 TB/CCT-TB&TK ngày 30/09/2014 của Chi cục Thuế Sơn Tây với số tiền thuê đất mà Công ty con của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19-5 phải trả cho các năm trước và số tiền thuê đất trong năm 2014 với số tiền lần lượt là 2.055.560.008 đồng và 200.328.000 đồng.

**24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Lãi vay phải trả (i)	59.195.940.398	68.230.051.721
Chi phí phát triển vùng nguyên liệu	4.815.627.078	1.592.044.976
Chi phí phải trả tạm tăng tài sản cố định (ii)	3.949.875.588	3.949.875.588
Chi phí tiền lương	3.133.739.128	4.496.200.000
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	935.107.670	1.884.118.424
Chi phí khấu hao TSCĐ, SCL	-	9.550.238.419
Chi phí mua thiết bị	-	8.621.300.855
Chi phí phải trả khác	346.860.232	1.124.127.362
	<u><b>72.377.150.094</b></u>	<u><b>99.447.957.345</b></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ (Tiếp theo)**

Ghi chú:

- (i) Trong đó bao gồm 54.581.875.369 đồng là khoản lãi vay Tổng Công ty phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của khoản vay đầu tư vào nhà máy đường Việt Nam Đài Loan, đã trả hết gốc, khoản lãi đang được các bên làm việc để giảm nợ.
- (ii) Khoản chi phí phải trả tạm ghi tăng tài sản cố định một phần giá trị của dự án nâng cấp cải tạo Lò hơi từ 23 tấn hơi/h lên 32 tấn hơi/h trong năm 2011 nhưng chưa được quyết toán nghiệm thu hoàn thành với nhà thầu Công ty Cổ phần Lò hơi Ngô Châu Việt Nam. Tổng Công ty cũng đang có khoản công nợ trả trước cho Công ty Cổ phần Lò hơi Ngô Châu Việt Nam với số tiền 2.330.716.408 đồng (xem Thuyết minh số 8 - Trả trước cho người bán). Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Lò hơi Ngô Châu Việt Nam chưa thống nhất giá trị quyết toán của công trình Lò hơi nêu trên.

**25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	463.401.586	407.402.394
Phải trả BHXH, BHYT, BHTN (i)	672.330.019	852.916.627
Cổ tức phải trả	205.288.040	2.949.023.265
Phải trả công ty mua bán nợ	2.749.023.265	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	40.000.000	26.000.000
Phải trả về Cổ phần hóa	-	6.228.128.721
Phải trả, phải nộp khác	2.631.674.175	3.508.615.007
	<b><u>6.761.717.085</u></b>	<b><u>13.972.086.014</u></b>

Ghi chú:

- (i) Các khoản phải trả về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp chưa bao gồm khoản phải trả cho cơ quan bảo hiểm của Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19-5 - Công ty con của Tổng Công ty với số tiền là 1.157.047.019 đồng.

**26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>63.875.109.956</b>	<b>107.374.563.235</b>
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Thanh Hóa	21.760.000.000	40.267.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sầm Sơn	-	10.677.065.279
- Ngân hàng NN&PTNT Hà Tĩnh (i)	22.836.705.715	30.720.093.715
- Ngân hàng Phát triển Trà Vinh (ii)	19.278.404.241	25.710.404.241
<b>Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.160.657.500</b>	<b>1.160.657.500</b>
- Công ty Cao su Thanh Hóa	699.172.500	699.172.500
- Kho bạc Nhà Nước	444.150.000	444.150.000
- Dự án 327 Tây Nam Thanh Hóa	17.335.000	17.335.000
	<b><u>65.035.767.456</u></b>	<b><u>108.535.220.735</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Ghi chú:

Vay dài hạn là theo các hợp đồng:

- i. Biên bản làm việc ngày 20/06/2006 giữa Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT Hà Tĩnh với Công ty:

Tổng số nợ gốc tính đến 31/05/2006: Nợ ngắn hạn VND: 5.867.421.330 đồng; Nợ dài hạn VND 84.652.272.378 đồng; Nợ ngoại tệ USD: 888.000 USD.

Tổng lãi phải trả tính đến 31/05/2006: Lãi vay ngắn hạn VND: 764.758.089 đồng; Lãi vay dài hạn VND: 4.221.646.697 đồng.

Hai bên thống nhất ký:

- Hợp đồng tín dụng chuyển đổi dư nợ ngoại tệ thành dư nợ nội tệ số 01/HĐTD ngày 21/06/2006 số gốc vay 13.892.760.000 đồng, lãi suất 0,45%/tháng; Trả nợ gốc vay 92.600.000 đồng/tháng; Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 01/12/2018, không có tài sản đảm bảo cho khoản vay;
- Hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD ngày 21/06/2006 số tiền vay 84.652.272.378 đồng; Lãi suất cho vay 0,45%/tháng; Trả nợ gốc vay 564.349.000 đồng/tháng; Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 01/12/2018, không có tài sản đảm bảo cho khoản vay;

- ii. Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước năm 2001 số 07/HĐTD.2001 - Phụ lục số 01/PLHĐTD.2006 ngày 10/04/2006: Số tiền vay 46.903.199.641 đồng; Lãi suất cho vay 5,40%/ năm, Trả nợ gốc vay 311.000.000 đồng/tháng; Tài sản hình thành bằng vốn vay là tài sản đảm bảo nợ vay.

*Các khoản vay dài hạn của Ngân hàng NN&PTNT Hà Tĩnh và Ngân hàng Phát triển Trà Vinh được hoàn trả theo lịch biểu sau:*

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	14.315.388.000	14.315.388.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	42.115.109.956	56.430.497.956
Sau năm năm	-	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (đã được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>14.315.388.000</u>	<u>14.315.388.000</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>42.115.109.956</u></b>	<b><u>56.430.497.956</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MÃU SỐ B 09-DN

**27. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:**

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	
<b>Số dư tại ngày 01/01/2014</b>	<b>430.490.990.000</b>		<b>2.888.987.800</b>		<b>30.457</b>		<b>12.555.419.377</b>		<b>3.643.664.926</b>		<b>937.083.089</b>		<b>142.579.016.668</b>		<b>593.095.192.317</b>	
Giảm vốn tại Vạn Điểm do không hợp nhất	-	(380.070.000)	-	-	(30.457)	-	-	-	-	-	-	-	(202.610.671)	(582.711.128)	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30.353.980.583	30.353.980.583	30.353.980.583	30.353.980.583
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(15.067.184.650)	(15.067.184.650)	(15.067.184.650)	(15.067.184.650)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	3.203.763.939	-	2.551.479.316	-	373.894.912	-	(12.183.295.653)	(6.054.157.486)	(6.054.157.486)	(6.054.157.486)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(580.461.044)	-	(200.719.193)	(781.180.237)	(781.180.237)	(781.180.237)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>430.490.990.000</b>		<b>2.508.917.800</b>		<b>-</b>		<b>15.759.183.316</b>		<b>6.195.144.242</b>		<b>730.516.957</b>		<b>145.279.187.084</b>		<b>600.963.939.399</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	980.515.833	988.876.017
Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger	8.389.459.832	8.191.378.082
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công	34.756.461.409	33.660.715.162
Công ty Cổ phần Thực phẩm Vạn Điểm	-	7.909.221.891
	<u><b>44.126.437.074</b></u>	<u><b>50.750.191.152</b></u>

**29. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2014</u>
	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.448.414.080.490</b>
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.422.979.546.539
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.167.340.952
- Doanh thu hoạt động xây lắp	6.267.192.999
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>19.136.351.492</b>
- Chiết khấu thương mại	1.787.734.160
- Giảm giá hàng bán	13.047.619
- Hàng bán bị trả lại	23.886.580
- Các khoản thuế không được hoàn lại khác (Thuế TTĐB)	17.311.683.133
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<u><b>1.429.277.728.998</b></u>

**30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2014</u>
	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	1.293.350.298.403
Giá vốn cung cấp dịch vụ	17.103.840.186
Giá vốn hoạt động xây lắp	6.258.544.050
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	16.803.732
	<u><b>1.316.729.486.371</b></u>

**31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2014</u>
	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.593.874.624
Lãi do bán các khoản đầu tư	6.119.067.162
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	239.381.499
Lãi cổ tức, lợi nhuận được chia	479.500.000
Lãi bán hàng trả chậm	3.608.668.361
Lãi đầu tư vùng nguyên liệu	990.412.253
Doanh thu hoạt động tài chính khác	68.365.777
	<u><b>20.099.269.676</b></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**32. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2014</u>
	VND
Chi phí lãi vay	12.161.814.651
Chi phí lãi ứng trước tiền hàng	1.574.683.167
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	164.237.512
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.932.499
Phí bảo lãnh tài sản	72.946.500
Chi phí tài chính khác	132.143.803
	<u><u>14.119.758.132</u></u>

**33. LỢI NHUẬN KHÁC**

	<u>Năm 2014</u>
	VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>5.823.967.634</b>
Thu tiền điện nước	176.555.225
Thu từ bán bã bia, vật tư	339.200.000
Công nợ xác định không phải trả	18.438.675
Thu từ bán vật tư	179.176.580
Thu nhập khác	5.110.597.154
<b>Chi phí khác</b>	<b>2.561.978.374</b>
Thanh lý vật tư	155.892.220
Chi phí tiền điện, nước	18.504.797
Chi phí khác	2.387.581.357
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>3.261.989.260</b>

**34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Năm 2014</u>
	VND
Công ty mẹ	4.751.809.366
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	-
Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger	293.667.412
Công ty Cổ phần Thực phẩm Vạn Điểm	-
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công	3.691.878.426
	<u><u>8.737.355.204</u></u>

**35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm 2014</u>
	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (1)	30.353.980.583
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu (2)	43.049.099
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (3) = (1) / (2)	705
Mệnh giá cổ phiếu	10.000





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6/11/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính (Thông tư 210), vì các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

*Rủi ro về tỷ giá*

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Tổng Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Tổng Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Tổng Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Tổng Công ty bị tổn thất về tài chính. Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Tổng Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tổng Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Tổng Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Tổng Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Tổng Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Tổng Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Tổng Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

**Rủi ro thanh khoản**

Đây là rủi ro khi Tổng Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tình thanh khoản được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	193.394.170.856	-	193.394.170.856
Phải thu khách hàng, phải thu khác	61.891.545.574	-	61.891.545.574
Đầu tư ngắn hạn	114.861.420.695	-	114.861.420.695
Đầu tư dài hạn	-	52.252.248.892	52.252.248.892
	<u>370.147.137.125</u>	<u>52.252.248.892</u>	<u>422.399.386.017</u>
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>			
Vay và nợ	149.152.639.623	65.035.767.456	214.188.407.079
Phải trả người bán, phải trả khác	101.848.090.615	2.320.542.503	104.168.633.118
Chi phí phải trả	72.377.150.094	-	72.377.150.094
	<u>323.377.880.332</u>	<u>67.356.309.959</u>	<u>390.734.190.291</u>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<u>46.769.256.793</u>	<u>(15.104.061.067)</u>	<u>31.665.195.726</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	202.177.867.276	-	202.177.867.276
Phải thu khách hàng, phải thu khác	57.152.822.773	-	57.152.822.773
Đầu tư ngắn hạn	162.248.487.994	-	162.248.487.994
Đầu tư dài hạn	-	46.201.078.489	46.201.078.489
	<b>421.579.178.043</b>	<b>46.201.078.489</b>	<b>467.780.256.532</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>			
Vay và nợ	143.228.085.622	108.535.220.735	251.763.306.357
Phải trả người bán, phải trả khác	109.778.784.609	2.239.290.333	112.018.074.942
Chi phí phải trả	99.447.957.345	-	99.447.957.345
	<b>352.454.827.576</b>	<b>110.774.511.068</b>	<b>463.229.338.644</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>69.124.350.467</b>	<b>(64.573.432.579)</b>	<b>4.550.917.888</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**37. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch và sổ dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

*Sổ dư với các bên liên quan:*

	<b>Bản chất bên liên quan</b>	<b>31/12/2014</b> VND	<b>01/01/2014</b> VND
<b>Các khoản phải thu</b>			
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Công ty liên kết	7.316.872.627	2.120.000.020
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Công ty liên kết	22.358.400.077	25.295.811.172
<b>Trả trước cho người bán</b>			
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan	Công ty liên doanh	-	2.720.000.000
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Công ty liên kết	39.996.158.532	7.477.048.159
		<b>69.671.431.236</b>	<b>37.612.859.351</b>
<b>Các khoản phải trả</b>			
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Công ty liên kết	4.602.700.000	632.916.228
<b>Người mua trả tiền trước</b>			
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan	Công ty liên doanh	109.799.350	-
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Công ty liên kết	-	3.184.138.371
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Công ty liên kết	-	3.205.560.187
		<b>4.712.499.350</b>	<b>7.022.614.786</b>

*Giao dịch với các bên liên quan:*

	<b>Bản chất bên liên quan</b>	<b>Năm 2014</b> VND
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>		
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan	Công ty liên doanh	15.780.952.381
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Công ty liên kết	80.369.071.902
		<b>96.150.024.283</b>
<b>Bán hàng hóa dịch vụ</b>		
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan	Công ty liên doanh	1.621.022.727
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Công ty liên kết	54.496.398.959
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Công ty liên kết	69.040.245.479
		<b>125.157.667.165</b>
<b>Thu lãi ứng vốn</b>		
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Công ty liên kết	2.212.593.019
		<b>2.212.593.019</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

**Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

	Năm 2014 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1.740.584.773
	<u>1.740.584.773</u>

**38. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu đầu kỳ là số liệu bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013 chưa được kiểm toán. Tổng Công ty không lập Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, do đó không có số liệu so sánh tương ứng.



\_\_\_\_\_  
**Vũ Thị Huyền Đức**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2015

\_\_\_\_\_  
**Trần Thị Mùi**  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Đường Thị Hồng Hải**  
Người lập